

HOSE 06/02/2014

VNINDEX 554.67 -1.85 -0.33%

KLGD 89,235,280 CP
GTGD 1,514.27 Tỷ
GTR NDTNN - 96.41 Tỷ

CP Tăng giá 152 CP
CP Giảm giá 88 CP
CP Đứng giá 64 CP



Tâm điểm

- ▶ **Tăng giảm trái chiều trong phiên giao dịch đầu tiên của năm Giáp Ngọ**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì ở mức khá thấp**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDTT đạt khoảng 1.600 tỷ đồng.
- ▶ **HSBC: PMI tháng 1 mạnh nhất 33 tháng**
Chỉ số PMI của Việt Nam trong tháng 1 là 52.1
Công Lý
- ▶ **Xuất khẩu nông sản tháng 1-2014 đạt trên 2.3 tỉ USD**
Giảm 9.7% so với cùng kỳ năm trước
Tuổi Trẻ
- ▶ **VBMA: Năm 2013, quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam tăng khoảng 42%**
550 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ đang được niêm yết lưu hành trên thị trường.
Vietnamplus
- ▶ **VNM: Lãi ròng cả năm hợp nhất 6,534 tỷ, vượt 5% kế hoạch**
Tổng tài sản tăng thêm 3,178 tỷ đồng, lên mức 22,875 tỷ đồng.
Công Lý
- ▶ **NHS: 10/02 niêm yết bổ sung hơn 30 triệu cp**
Tổng số lượng chứng khoán của NHS sau khi thay đổi niêm yết: 60,750,000 cổ phiếu
HOSE

HNX 06/2/2014

HNXINDEX 75.05 0.83 1.11%

KLGD 39,761,629 CP
GTGD 362.56 Tỷ
GTR NDTNN 0.36 Tỷ

CP Tăng giá 162 CP
CP Giảm giá 51 CP
CP Đứng giá 166 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	981,284	13.2	3.1	22.6%	11.7%
HNX	116,918	18.4	1.6	9.8%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,098,202	14.2	3.0	21.5%	11.0%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,277	6.5	1.1	17.5%	12.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,550	7.2	1.8	25.7%	19.4%
Thép và sản phẩm thép	30,646	15.9	1.8	15.7%	6.3%
Khai khoáng	12,238	42.5	4.9	3.7%	2.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	17,423	17.4	1.4	14.4%	10.3%
Xây dựng	26,066	29.7	1.0	5.0%	2.0%
Máy công nghiệp	10,251	9.7	1.7	24.1%	13.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,529	11.7	1.5	17.2%	12.3%
Lốp xe	6,753	8.4	2.3	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	12,404	10.3	1.2	12.5%	5.7%
Thực phẩm	210,030	23.4	5.9	25.0%	19.6%
Dược phẩm	15,334	12.2	3.2	27.0%	17.2%
Phần mềm	15,546	9.6	2.2	23.5%	10.5%
Sản xuất & phân phối điện	22,946	7.0	1.3	21.7%	10.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	152,389	11.3	4.3	40.0%	25.9%
Bảo hiểm nhân thọ	31,642	28.7	2.7	9.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	20,462	17.5	1.2	8.1%	5.6%
Ngân hàng	258,826	10.7	1.4	12.2%	1.0%
Bất động sản	136,177	18.3	3.0	26.2%	6.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,789	10.5	1.7	18.7%	6.9%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 626.31 1.61 0.26%
HNX30 146.84 1.85 1.28%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

HSBC: PMI tháng 1 mạnh nhất 33 tháng

Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam do HSBC và Markit Economics khảo sát tăng tháng thứ hai liên tiếp, từ 51.8 trong tháng 12/2013 lên 52.1 trong tháng 1/2014, đánh dấu tháng cải thiện thứ 5 liên tiếp của các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất. Đồng thời, đây cũng là mức tăng mạnh thứ hai trong lịch sử của chỉ số này, chỉ sau đà tăng trưởng kỷ lục đạt được trong tháng 4/2011.

Xuất khẩu nông sản tháng 1-2014 đạt trên 2.3 tỉ USD

Theo Bộ NN&PTNT, xuất khẩu các mặt hàng nông lâm sản của VN trong tháng 1-2014 đạt 2.32 tỉ USD, giảm 9.7% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, nhập khẩu vật tư nông nghiệp và nông sản lại tăng 4.7% so với tháng 1-2013, khoảng 1.5 tỉ USD. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ có gạo và thủy sản tăng, còn lại các mặt hàng như cà phê, cao su, hạt điều, hồ tiêu... đều giảm khá mạnh do xuất khẩu tạm thời gián đoạn. Nhập khẩu bắp trong tháng 1 đạt trên 580.000 tấn, nhập khẩu lúa mì và thủy sản tăng lần lượt là 121% và 61% so với cùng kỳ năm ngoái.

VBMA: Năm 2013, quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam tăng khoảng 42%

Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) cho biết, năm 2013, Chính phủ đã huy động thành công khoảng 190 nghìn tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước, qua kênh phát hành trái phiếu, tín phiếu, cao hơn 20% tổng mức phát hành của cả năm 2012. Theo đó, quy mô thị trường tăng khoảng 42% so với năm 2012, xấp xỉ 550 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ đang được niêm yết lưu hành trên thị trường. Thanh khoản thị trường trái phiếu Chính phủ được cải thiện rõ rệt, doanh số giao dịch bình quân phiên tăng mạnh lên xấp xỉ 1,400 tỷ/phiên, gần gấp hai lần so với năm 2012.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

SC5: Trúng thầu dự án tại Bình Dương trị giá 224 tỷ đồng

CTCP Xây dựng số 5 (HOSE: SC5) cho biết đã trúng thầu công trình "Xây dựng và cung cấp thiết bị trạm bơm nước thô và tuyến nước thô" thuộc gói thầu BDW05 thuộc dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một - mở rộng công suất 45,000 m3/ngày đêm. Tổng giá trị hợp đồng 224 tỷ đồng, thời gian thực hiện 12 tháng.

VNM: Lãi ròng cả năm hợp nhất 6,534 tỷ, vượt 5% kế hoạch

CTCP Sữa Việt Nam (HOSE: VNM) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2013 với lợi nhuận sau thuế 1.470 tỷ đồng, lũy kế cả năm đạt 6,534 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch. Doanh thu thuần cả năm đạt 30,948 tỷ đồng, tăng 16.5% so năm 2012 và bằng 95% kế hoạch. Lợi nhuận gộp cũng tăng 23% khi đạt 11,182 tỷ đồng, ứng với tỷ suất lãi gộp biên ở mức 36%. Hoạt động tài chính năm qua mang về 416 tỷ đồng lợi nhuận. Theo đó, sau khi trừ đi các loại chi phí, VNM ghi nhận 6,534 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 12% so năm 2012 và vượt 5% kế hoạch. EPS tương ứng 7,839 đồng. Tại ngày 31/12/2013, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của VNM đạt 6,149 tỷ đồng.

NHS: 10/02 niêm yết bổ sung hơn 30 triệu cp

Ngày 06/02/2014, SGDCK Tp.HCM đã có quyết định số 34/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (HOSE: NHS) được thay đổi niêm yết với nội dung như sau: Số lượng chứng khoán trước khi thay đổi niêm yết: 30,375,000 cổ phiếu. Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 30,375,000 cổ phiếu. Giá trị chứng khoán niêm yết bổ sung: 303,750,000,000 đồng. Tổng số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết: 60,750,000 cổ phiếu. Tổng giá trị niêm yết sau khi thay đổi niêm yết: 607,500,000,000 đồng. Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực: 10/02/2014.

HOSE 06/02/2014 VNINDEX 554.67 -1.85 -0.33% 89,235,280 CP 1,514.27 bil VND

Thị trường lưỡng lự trong phiên đầu tiên của năm Giáp Ngọ

VN-Index giảm 1.84 điểm (-0.33%), đóng cửa tại mức 554.68 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của chỉ số VN-Index.

- MA10, MA20 tiếp tục đi lên và sẽ là những đường hỗ trợ cho thị trường nếu đảo chiều.
- Tín hiệu MACD Histogram dừng đà tăng và đang có dấu hiệu quay đầu giảm sau giai đoạn tăng mạnh trước đó.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc đi xuống khá mạnh.
- RSI (14) tiếp tục thoái lui về mốc 72.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.3 (4.1%)	7,949,160
FLC	0.6 (6.7%)	5,233,940
SSI	0.5 (2.2%)	3,081,790
SAM	0.4 (4.2%)	3,045,290
PVT	0.7 (5.9%)	2,924,270

HOSE Top 5 theo % tăng

VIS	0.7 (7.0%)	751,280
LGC	0.8 (7.0%)	3,520
SVI	2.6 (7.0%)	970
DIG	0.9 (6.9%)	1,775,560
NVN	0.2 (6.9%)	5,340

HOSE Top 5 theo % giảm

VTB	-0.8 (-7.0%)	8,120
TLG	-3.4 (-6.8%)	680
CLP	-0.4 (-6.8%)	4,050
HRC	-3.2 (-6.6%)	4,780
TSC	-0.6 (-6.5%)	53,460

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DIG	8,4 tỷ	609,410
DXG	5,7 tỷ	435,040
STB	4,1 tỷ	198,590
GMD	3,5 tỷ	99,260
KDC	2,9 tỷ	47,740

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-25,6 tỷ	1,159,270
DPM	-21,6 tỷ	485,960
PVD	-19,7 tỷ	282,310
VCB	-15,6 tỷ	557,120
MSN	-14,6 tỷ	157,760

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-2,531,330	- 96.41

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch ở mức độ vừa phải trong phiên, VN-Index có thời điểm giảm điểm khá mạnh nhưng kịp quay trở về trạng thái cân bằng lúc đóng cửa.
- ▶ Khối lượng giao dịch tăng nhẹ trở lại và ở mức tương đương bình quân 20 phiên giao dịch. Điều này cho thấy TT vẫn giữ được sự tích cực cần thiết.
- ▶ Động lực tăng điểm của VN-Index sẽ tiếp tục đuối dần khi lực tăng của các mã Bluechips yếu đi. Những nhịp điều chỉnh có thể sẽ vẫn còn diễn ra.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại phiên hôm nay. Đây là điều hết sức lo ngại nếu nhìn vào diễn biến ở các thị trường tài chính thế giới trong giai đoạn nghỉ tết âm lịch vừa qua.
- ▶ NĐT có thể thực hiện chốt lời những mã đã đạt lợi nhuận. Hạn chế mở vị thế mua mới. Việc mua mới chỉ nên tập trung vào mã có kỳ vọng KQKD tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	77.0	145,915.00	11.5	4.4	40.9%	26.6%
VNM	833.5	140.0	116,685.39	17.5	7.0	40.5%	32.7%
VIC	909.5	75.5	68,669.10	11.4	4.3	47.1%	10.5%
MSN	734.9	92.0	67,611.84	171.8	5.3	2.7%	0.9%
VCB	2,317.4	27.9	64,655.94	16.2	1.6	9.8%	1.0%
CTG	3,723.4	16.8	62,553.20	7.4	1.1	16.0%	1.3%
BID	2,811.2	17.6	49,477.17	10.5	1.6	15.4%	0.9%
BVH	680.5	47.9	32,594.58	28.7	2.7	9.0%	2.3%
STB	1,142.5	21.0	23,992.74	28.4	1.5	5.4%	0.5%
HPG	419.1	48.4	20,282.14	11.7	2.1	18.6%	8.0%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.6	2,930.76	17.5	1.0	NA	CW
PPC	318.2	25.7	8,176.57	4.3	1.6	NA	CW
DPM	379.9	44.6	16,945.07	6.9	1.7	NA	CW
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.2	2.4	NA	CW
VSC	28.6	68.5	1,962.25	8.0	2.2	NA	CW

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

HNX 06/02/2014 HNX-Index 75.05 0.83 1.11% 39,761,629 CP 362.56 bil. VND

HNX-Index tăng điểm tích cực ở phiên đầu tiên của năm Giáp Ngọ

Chỉ số HNX-Index tăng 0.83 điểm (+1.11%), đóng cửa tại mốc 75.04 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm rất tích cực.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng và sẽ hỗ trợ mạnh cho HNX-Index nếu chỉ số giảm điểm.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại, đây là tín hiệu khá tích cực.

- Tín hiệu MACD Histogram gia tăng trở lại, cho thấy xu hướng thị trường tích cực trở lại.

- RSI (14) gia tăng lên mức 84.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.1 (1.4%)	3,385,820
VCG	0.2 (1.8%)	2,219,010
PVX	0.3 (10.0%)	2,148,490
DCS	0.4 (9.8%)	2,116,660
SCR	0.2 (2.6%)	1,975,040

HNX Top 5 theo % tăng

HNM	0.8 (10.0%)	282,380
MDC	1 (10.0%)	100
PVX	0.3 (10.0%)	2,148,490
VE4	0.8 (10.0%)	-
VNC	1.3 (10.0%)	1,900

HNX Top 5 theo % giảm

NPS	-1.3 (-10.0%)	100
VNT	-3.6 (-10.0%)	400
WCS	-7 (-9.0%)	1,000
PHC	-0.4 (-9.5%)	10,000
WCS	-7 (-9.0%)	1,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	4,2 tỷ	584,100
VCG	2,4 tỷ	209,500
LAS	1,1 tỷ	24,300
KLS	1,0 tỷ	100,000
PGS	0,6 tỷ	15,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-10,1 tỷ	355,800
VAT	-0,4 tỷ	80,000
TV4	-0,2 tỷ	30,000
TCT	-0,1 tỷ	1,500
MEC	-0,1 tỷ	13,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	675,230	0.36

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội giao dịch khá tích cực ở phiên đầu tiên của năm. HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất phiên nhờ sự tích cực tới từ các mã ngành dầu khí.
- ▶ Thanh khoản vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp. KLGD chỉ đạt mức 31,3 triệu đơn vị. Đây là điều không thực sự tích cực trong bối cảnh HNX-Index vẫn tăng điểm.
- ▶ Đà tăng của HNX-Index vẫn đang duy trì, nếu khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng. Tuy nhiên rủi ro về những nhịp điều chỉnh vẫn đang hiện hữu.
- ▶ Khối ngoại vẫn nhịp mua ròng sàn Hà Nội nhưng lượng mua đã giảm đi nhiều. Rủi ro điều chỉnh sẽ gia tăng nếu khối ngoại bán ròng trở lại.
- ▶ NĐT có thể thực hiện chốt lời những mã đã đạt lợi nhuận. Hạn chế mở vị thế mua mới, việc mua mới chỉ nên tập trung vào mã có kỳ vọng KQKD tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.2	14,928.55	15.8	1.2	7.5%	0.6%
PVS	446.7	28.2	12,596.95	9.8	1.6	17.4%	5.3%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	7.3	6,468.41	3.8	0.6	17.1%	1.5%
OCH	200.0	27.7	5,540.00	40.2	2.6	5.9%	2.2%
VCG	441.7	11.3	4,991.33	27.6	0.9	3.4%	0.7%
PVI	225.4	19.0	4,282.87	15.0	0.7	4.6%	2.5%
LAS	77.8	46.2	3,595.84	7.8	2.5	34.3%	16.1%
NTP	43.3	63.0	2,730.29	8.8	2.2	26.6%	18.1%
VNR	100.8	25.5	2,571.11	7.5	1.1	14.5%	7.8%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.0	1,444.00	6.5	1.5	NA	CW
AAA	19.8	23.4	463.32	6.8	0.9	NA	CW
VND	96.9	13.3	1,289.26	11.0	1.1	NA	CW
NTP	43.3	63.0	2,730.29	8.8	2.2	NA	CW
VCG	441.7	11.3	4,991.33	27.6	0.9	NA	CW

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,277	6.5	1.1	17.5%	12.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,550	7.2	1.8	25.7%	19.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,232	21.2	0.5	2.1%	1.7%
Sản xuất giấy	669	19.3	0.7	6.9%	4.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	30,646	15.9	1.8	15.7%	6.3%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,788	4.5	0.8	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,238	42.5	4.9	3.7%	2.8%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	17,423	17.4	1.4	14.4%	10.3%
Xây dựng	26,066	29.7	1.0	5.0%	2.0%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,282	7.8	1.2	18.8%	10.1%
Công nghiệp phức hợp	347	4.9	0.5	15.9%	11.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,616	10.5	1.0	8.6%	4.8%
Thiết bị điện	1,473	16.5	0.6	0.1%	-0.9%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	32	18.2	0.4	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	10,251	9.7	1.7	24.1%	13.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	6,593	2.8	0.8	8.0%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,529	11.7	1.5	17.2%	12.3%
Dịch vụ vận tải	4,816	10.4	1.4	15.9%	10.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,855	9.2	1.1	11.6%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	228	14.4	0.6	5.7%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	167	7.3	0.8	11.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	104	1.7	0.6	44.2%	19.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,948	22.0	1.6	17.3%	8.7%
Lốp xe	6,753	8.4	2.3	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,530	7.6	1.3	16.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	216	13.7	1.7	13.0%	8.3%
Đồ uống & giải khát	248	6.6	1.2	15.7%	10.6%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,404	10.3	1.2	12.5%	5.7%
Thực phẩm	210,030	23.4	5.9	25.0%	19.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	41	80.1	0.5	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,161	9.0	1.1	12.9%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	154	3.5	1.3	32.3%	23.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,000	9.6	1.5	15.2%	6.1%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,275	11.4	1.8	16.0%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	737	50.3	1.0	7.3%	5.0%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,051	7.3	1.0	15.9%	9.1%
Dụng cụ y tế	126	3.3	1.6	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	16.7	1.0	6.4%	4.1%
Dược phẩm	15,334	12.2	3.2	27.0%	17.2%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	334	45.3	1.1	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	664	31.8	1.1	11.2%	6.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,649	9.1	1.7	20.6%	3.8%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	3.3	0.4	16.1%	9.1%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,075	7.8	1.0	15.1%	9.5%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	107	7.9	2.4	35.0%	15.7%
Khách sạn	5,998	44.0	2.5	5.6%	2.2%
Dịch vụ giải trí	2,022	21.3	1.7	12.2%	10.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,275	24.4	2.5	16.7%	14.6%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	39	9.1	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	426	839.0	0.6	0.5%	0.2%
Internet	178	33.5	0.4	1.3%	0.3%
Phần mềm	15,546	9.6	2.2	23.5%	10.5%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	337	13.1	0.5	4.0%	1.6%
Thiết bị văn phòng	211	5.0	0.8	17.5%	12.8%
Thiết bị viễn thông	2,070	15.3	0.7	5.0%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,946	7.0	1.3	21.7%	10.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	152,389	11.3	4.3	40.0%	25.9%
Nước	1,031	5.5	1.0	18.3%	13.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,203	10.5	0.9	8.0%	2.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,354	12.2	0.7	5.8%	3.0%
Tái bảo hiểm	2,611	7.5	1.1	14.5%	7.8%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,642	28.7	2.7	9.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,330	56.5	1.0	-1.8%	-0.5%
Môi giới chứng khoán	20,462	17.5	1.2	8.1%	5.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	258,826	10.7	1.4	12.2%	1.0%
Bất động sản					
Bất động sản	136,177	18.3	3.0	26.2%	6.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	4.6	0.4	-8.6%	-3.9%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,789	10.5	1.7	18.7%	6.9%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.